

Số 07 /TB-HĐTD

Hải Phòng, ngày 16 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải phòng đợt 2 năm 2026

Căn cứ Luật Viên chức 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND thành phố;

Căn cứ Công văn số 3017/SNV-CCVC ngày 05/6/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc phúc đáp Văn bản số 1877/ĐHHP-TCCB&PC ngày 22/5/2026 của Trường Đại học Hải Phòng về việc tuyển dụng viên chức năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 3126/TB-ĐHHP ngày 23/7/2026 của Trường Đại học Hải Phòng về việc Tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3758/QĐ-ĐHHP ngày 10/9/2026 của Trường Đại học Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐTD ngày 08/9/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026 về việc thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển (lần 2) ngày 16/9/2026 của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Biên bản cuộc họp (lần 2) ngày 16/9/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3863/QĐ-ĐHHP ngày 16/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026 thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2, cụ thể như sau:

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải phòng đợt 2 năm 2026

Tổng số: 83 người, trong đó:

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 31 người.
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp ngành/chuyên ngành giáo dục đào tạo: 52 người.

(Có danh sách kèm theo)

2. Triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2

2.1. Hướng dẫn ôn tập

- Thời gian: 16h00 phút, ngày 18 tháng 9 năm 2026.
- Địa điểm: Hội trường A1, Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, Phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

2.2. Khai mạc kỳ tuyển dụng viên chức

- Thời gian: 08h00 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2026.
- Địa điểm: Hội trường A1, Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, Phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

2.3. Tổ chức thi vòng 2

- Hình thức: Vấn đáp
- Thời gian: từ 13h00 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2026
- Địa điểm: Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, Phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

Lưu ý: thí sinh có mặt trước thời gian quy định 30 phút và mang theo căn cước/căn cước công dân hoặc các giấy tờ tùy thân khác có ảnh để kiểm tra, đối chiếu.

2.4 Thu phí tuyển dụng

Mức thu phí tuyển dụng là 500.000 đồng/thí sinh.

Hình thức nộp: chuyển khoản đến số tài khoản 1996668888, ngân hàng Vietcombank. Chủ tài khoản: Trường Đại học Hải Phòng.

(Cú pháp chuyển khoản: Họ và tên-CCCD-TDVCdot2nam2026).

Thời gian nộp lệ phí: Trước 17h00 phút ngày 26/9/2026.

Nhận được Thông báo này, đề nghị các thí sinh tham dự đúng thời gian, địa điểm theo quy định.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- ĐU, BGH;
- Ban Giám sát;
- Cổng thông tin điện tử Trường ĐHHP;
- Các thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT, HĐTD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS Trần Quốc Tuấn

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG ĐỢT 2 NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /9/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
A. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (31 người)								
I. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Kế hoạch, tài chính kế toán								
1	Nguyễn Thị Phương Thanh	21/02/1986	031186000761	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1 (khung CEFR)		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
2	Phạm Thị Hồng Thơ	16/12/1990	034190000299	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
3	Trương Thị Thùy Dương	14/04/1984	031184023172	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Đại học Kế toán	
II. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Thư viện viên								
1	Lương Thanh Huyền	13/01/1989	031189007134	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ VEPT (Trình độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu B1+)	- CC bồi dưỡng kiến thức cơ sở Thông tin - Tư liệu - Thư viện; - CC Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện	Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
2	Hoàng Thị Minh Hạnh	12/08/1988	031188003061	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	- CC bồi dưỡng kiến thức cơ sở Thông tin - Tư liệu - Thư viện; - CC Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện	Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	
3	Đỗ Thị Phương Linh	27/11/1987	031187010131	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1	- CC Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện; - CC Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện	Đại học Sư phạm Ngữ văn - Địa lý	

III. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Công nghệ thông tin

1	Đinh Công Tân	20/11/1996	031096015485	Đại học Công nghệ thông tin	Chuẩn đầu ra Tiếng Anh 455 (tương đương B1)		Đại học Công nghệ thông tin	
2	Vũ Công Minh	14/03/1993	031093006262	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Chứng chỉ APTIS ESOL General B2		Đại học Công nghệ thông tin	
3	Nguyễn Duy Đức	02/08/2003	031203003253	Đại học Công nghệ thông tin	Thi sát hạch đạt điều kiện		Đại học Công nghệ thông tin	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
4	Đỗ Đức Dũng	17/07/2001	034201004698	Đại học Công nghệ thông tin	Thi sát hạch đạt điều kiện		Đại học Công nghệ thông tin	
IV. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Quản lý ký túc xá								
1	Nguyễn Thùy Linh	22/03/1989	031189000914	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ VEPT (Trình độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu B1+)		Đại học Tài chính ngân hàng	
2	Phạm Thị Ngoàn	04/07/1980	034180014665	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Đại học Kế toán	
3	Vũ Thị Thanh Xuân	14/12/1990	031190023152	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ VEPT (Trình độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu B1)		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
4	Quách Nam Khánh	03/09/1991	031191004845	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
5	Nguyễn Thu Hường	08/11/1986	031186006586	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh		Đại học Kinh tế	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
V. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Trợ lý khoa								
1	Lê Thị Hoa	04/07/1981	031181001604	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1 (khung CEFR)		Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	
2	Vũ Thị Loan	25/11/1983	031183000441	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1 (khung CEFR)		Đại học Nông học	
3	Phạm Thị Thanh Hà	05/01/1989	031189005818	Chứng chỉ MOS	Chứng chỉ Tiếng Anh B1 - Châu Âu		Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy bộ môn Vật lý	
4	Duy Thị Hồng Hạnh	06/12/1991	031191022300	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ VEPT (Trình độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu B1)		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Con thương binh
5	Nguyễn Thị Thu Trang	06/09/1983	035183013628	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Sư phạm tiếng Anh		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	
6	Lê Thị Sen	12/01/1984	031184003881	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1 (khung CEFR)		Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
7	Đào Huyền Trang	14/10/1986	031186019141	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Bậc 3/6)		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
8	Trần Khánh Vượng	20/06/1989	031089004475	Đại học Công nghệ thông tin	Chứng chỉ Tiếng Anh cấp độ B1 theo khung châu Âu		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	
9	Nguyễn Kim Hạnh	31/08/1987	033187010033	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh CEFR trình độ B1		Đại học Việt Nam học	Con bệnh binh
10	Đỗ Thị Thủy	26/11/1987	031187016159	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Ngoại ngữ tiếng Anh trình độ C		Đại học Kế toán	
11	Nguyễn Vũ Long Nhật	27/05/2000	031200001978	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1		Đại học Quản trị kinh doanh	
12	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/03/1982	031182000203	Đại học Tin học	Chứng chỉ Tiếng Anh B1		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
13	Nguyễn Thị Thu Hương	05/08/1996	031196013203	Chứng chỉ MOS	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
14	Nguyễn Minh Quang	25/05/1996	001096036478	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Vật lý lý thuyết và vật lý toán	
15	Hoàng Thanh Thúy	26/11/1980	031180005973	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện		Thạc sĩ Hóa học	Con thương binh
16	Phạm Thị Hằng	08/10/1989	034189000514	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện		Đại học Kế toán	

B. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp ngành/chuyên ngành giáo dục đào tạo (52 người)

I. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Toán (Khoa Toán và Khoa học tự nhiên)

1	Cao Thị Thu Trang	08/07/1989	031189001048	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Toán học	
---	-------------------	------------	--------------	--------------------------------	----------------------	---	------------------	--

II. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Khoa học tự nhiên (Lý)

1	Vũ Thị Mai Phương	20/06/1989	031189014528	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 khung châu Âu	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Vật lý chất rắn	
---	-------------------	------------	--------------	--------------------------------	---	---	-------------------------	--

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
III. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Văn								
1	Đoàn Thị Ngọc Anh	16/04/1988	031188017520	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Tiến sĩ Văn học dân gian	
2	Nguyễn Đức Huynh	28/03/1999	031099001433	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Versant English Placement Test B2	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	Quân nhân xuất ngũ
IV. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Khoa học xã hội (Sử)								
1	Phạm Thị Út	25/11/1983	035183001237	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ VEFT (Khung tham chiếu tương đương trình độ B1)	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Tiến sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	
V. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Toán (Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non)								
1	Hoàng Thị Cúc	27/06/1989	034189000314	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Thạc sĩ Toán học	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
2	Nguyễn Thị Thu Tính	20/12/1979	030179015237	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 khung châu Âu; Chứng chỉ Versant English Placement Test B1+	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Toán học	Con thương binh
3	Lê Thị Thanh Tâm	02/07/1987	031187001123	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Toán học	Con bệnh binh
VI. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Tự nhiên, Xã hội, Công nghệ								
1	Nguyễn Hồng Dương	03/05/1984	031184006905	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Tiến sĩ Khoa học giáo dục	Con của người được hưởng chính sách như thương binh
2	Phạm Thị Ánh Hồng	27/12/1990	030190011027	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Tiến sĩ Khoa học giáo dục	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
VI. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Mỹ thuật								
1	Lê Hoài Đức	06/06/1987	030087003299	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật	
2	Trần Thúy Hào	20/05/1986	035186004790	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Mỹ thuật	
3	Đặng Ngọc Anh	10/10/1984	031084013186	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng	
VII. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Giáo dục thể chất								
1	Phạm Khắc Tuấn	10/01/1984	031084007168	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ C	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III	Thạc sĩ Khoa học giáo dục	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
2	Nguyễn Thế Thuận	27/01/1987	031087010888	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh Khung năng lực Ngoại ngữ chung Châu Âu trình độ B1	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III	Thạc sĩ Giáo dục học	
3	Bùi Đăng Duy	06/03/1993	031093006389	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên Đại học	Thạc sĩ Giáo dục học	
VIII. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Tâm lý học								
1	Đào Thị Tư Duyên	20/12/1985	031185005674	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên Đại học	Thạc sĩ Tâm lý học	Con thương binh
IX. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Công tác xã hội								
1	Đỗ Thị Hà My	25/11/1995	034195002208	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1 (Bậc 3)	Bồi dưỡng tiêu chuẩn nghề nghiệp giảng viên đại học	Thạc sĩ Công tác xã hội	
X. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Luật								
1	Nguyễn Thị Hường	05/02/1989	031189021593	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ C; Chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Luật học	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
2	Phạm Thị Lan Hương	31/01/1986	031186003021	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	ĐH Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Thạc sĩ Luật kinh tế	
3	Đinh Văn Toàn	11/11/1998	037098001288	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 3	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Thạc sĩ Luật hình sự và tố tụng hình sự	
XI. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Triết học								
1	Lương Thị Huyền Trang	12/11/1986	031186013184	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Tiến sĩ Triết học	
2	Vũ Thị Hồng Dung	07/05/1989	031189011226	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận năng lực tiếng Anh B1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Triết học	
XII. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh								
1	Nguyễn Thị Tuyền	11/10/1989	031189004980	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ bằng Tiếng Anh tại Vương quốc Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Kinh tế	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	05/09/1991	031191006124	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Trung	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Tiến sĩ Kinh tế	
3	Cao Thị Hồng Hạnh	29/11/1979	031179008711	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Chức danh nghề nghiệp giảng viên Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
4	Đỗ Thị Kim Dung	26/11/1980	031180006981	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Tiến sĩ Kinh tế	
5	Bùi Ngọc Mai	08/11/1995	031195000842	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
6	Vũ Thúy An	23/03/1991	031191003518	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
7	Lê Thị Nam Phương	07/01/1976	031176019057	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
8	Lưu Thị Hằng	10/03/1986	030186003188	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Con bệnh binh hạng 2
9	Hoàng Thị Thu Phương	03/11/1989	031189002878	Chứng chỉ Kỹ năng nghề quốc gia bậc III	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
10	Đặng Quang Bích	16/02/1984	033084005243	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận năng lực Tiếng Anh B2 theo khung tham chiếu năng lực Ngoại ngữ chung Châu Âu	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng II)	Tiến sĩ Khoa học cây trồng	
11	Hoàng Xuân Trường	20/09/1987	031087011569	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
12	Bùi Thị Thanh Nhân	02/09/1979	031179000649	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng Anh Level B1 khung tham chiếu ngôn ngữ chung của châu Âu	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh	
XIV. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Khoa Kế toán Tài chính								
1	Đoàn Thị Hà	23/02/1986	031186017021	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III)	Thạc sĩ Kế toán	Con thương binh loại A (hạng 4/4)
2	Ngô Thị Nguyên	18/12/1987	031187004589	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III)	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/11/1986	031186008301	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III)	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Con thương binh hạng 4
4	Bùi Bích Ngọc	26/10/1999	031199000223	Chứng chỉ Tin học quốc tế IC3	Tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ bằng Tiếng Anh tại Vương quốc Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Tài chính và Đầu tư	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
5	Trần Thị Thanh Thảo	28/05/1978	034178018952	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Con thương binh hạng 4/4
6	Nguyễn Quang Đại	11/03/1991	031091022608	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ bằng Tiếng Anh tại Vương quốc Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế	
XV. Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh								
1	Đinh Quang Tiến	07/08/1999	031099013603	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Đại học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	
2	Ôn Xuân Hưng	21/10/1988	031088003119	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III)	Thạc sĩ Giáo dục học	
3	Ngô Tuấn Đạt	17/12/1997	031097015598	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III)	Đại học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
4	Phạm Thị Thủy	02/11/1991	034191000836	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ HSK 5	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Giáo dục học	
5	Vũ Văn Chinh	20/08/1987	031087007503	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Giáo dục học	
6	Phạm Trung Đức	31/07/1997	030097011694	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Đại học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	
7	Lại Đình Khoa	22/07/1987	031087006966	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III)	Thạc sĩ Giáo dục học	
8	Hà Đức Bình	10/07/1998	031098007899	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh bậc 4	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Đại học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	
9	Nguyễn Đức Mến	01/04/1999	031099004061	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Đại học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		
10	Nguyễn Văn Thường	04/12/1995	031095013677	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Đại học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	
11	Nguyễn Văn Hoàng	14/10/1999	031099002033	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Đại học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	

Danh sách này có 83 người ./.